

KẾ HOẠCH HỌC TẬP KHOÁ 2021

Ngành học: Cử nhân Chính trị học

Mã ngành: 7310201

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đơn vị quản lý: Khoa Lý luận Chính trị

Bộ môn: Tư tưởng Hồ Chí Minh và LS Đảng

Cộng sản Việt Nam

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết		Thực hành		Giờ tự học và giờ học khác	Ghi chú
				Tín chỉ	Số giờ	Tín chỉ	Số giờ		
• HỌC KỲ I									
Các học phần bắt buộc			14	9	135	5	150	415	
1.		Giáo dục thể chất 1*	1	0	0	1	30	20	
2.		Giáo dục Quốc phòng- An ninh	165 tiết (8 tín chỉ)					235	
3.		Anh văn không chuyên 1	3	2	30	1	30	90	
4.		Triết học Mác – Lênin	4	4	60	0	0	140	
5.		Tin học ứng dụng cơ bản	3	1	15	2	60	75	
6.		Tâm lý học đại cương	2	1	15	1	30	55	
7.		Pháp luật đại cương	2	1	15	1	30	55	
Tổng cộng			14	9	135	5	150	415	
			Chưa kể GDTC & GDQP-AN						

• HỌC KỲ II									
1. Các học phần bắt buộc			13	9	135	4	120	395	
8.		Giáo dục thể chất 2*	1	0	0	1	30	20	
9.		Anh văn không chuyên 2	4	2	30	2	60	110	
10.		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	3	45	0	0	105	
11.		Kỹ năng mềm	2	1	15	1	30	55	
12.		Logic học đại cương	2	1	15	1	30	55	
13.		Mỹ học đại cương	2	2	30	0	0	70	
2. Các học phần tự chọn			4	2	30	2	60	110	
14.		Xã hội học đại cương	2	1	15	1	30	55	
15.		Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1	15	1	30	55	
16.		Tiếng Việt thực hành	2	1	15	1	30	55	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết		Thực hành		Giờ tự học và giờ học khác	Ghi chú
				Tín chỉ	Số giờ	Tín chỉ	Số giờ		
Tổng cộng			17	11	165	6	180	505	
			Chưa kể GDTC						

• HỌC KỲ III

1. Các học phần bắt buộc			11	9	135	2	60	355	
17.		Giáo dục thể chất 3*	1	0	0	1	30	20	
18.		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	30	0	0	70	
19.		Anh văn không chuyên 3	3	2	30	1	30	90	
20.		Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	2	2	30	0	0	70	
21.		Chính phủ điện tử	2	2	30	0	0	70	
22.		Phương pháp nghiên cứu khoa học - Chính trị học	2	1	15	1	30	55	
2. Các học phần học tự chọn			4						
23.		Đạo đức học	2	2	30	0	0	70	
24.		Môi trường và con người	2	2	30	0	0	70	
25.		Soạn thảo văn bản	2	1	15	1	30	55	
Tổng cộng			15	9	135	2	60	355	
<i>Chưa kể tự chọn & GDTC</i>									

• HỌC KỲ IV

1. Các học phần bắt buộc			16	15	225	1	30	545	
26.		Anh văn không chuyên 4	3	2	30	1	30	90	
27.		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30	0	0	70	
28.		Chính trị học đại cương	3	3	45	0	0	105	
29.		Đại cương chính trị học so sánh	2	2	30	0	0	70	
30.		Lịch sử tư tưởng chính trị	3	3	45	0	0	105	
31.		Địa chính trị	3	3	45	0	0	105	
2. Các học phần tự chọn			7						
32.		Trí thức và công tác trí thức trong thời kỳ đổi mới	2	2	30	0	0	70	
33.		Lịch sử văn minh thế giới	2	2	30	0	0	70	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết		Thực hành		Giờ tự học và giờ học khác	Ghi chú
				Tín chỉ	Số giờ	Tín chỉ	Số giờ		
34.		Phương pháp giảng dạy chính trị học	3	2	30	1	30	90	
35.		Những vấn đề thời đại ngày nay	3	3	45	0	0	105	
36.		Lịch sử triết học	2	2	30	0	0	70	
Tổng cộng			23	15	225	1	30	545	
				<i>Chưa kể tự chọn</i>					

• HỌC KỲ V									
1. Các học phần bắt buộc			18	18	270	0	0	630	
37.		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	45	0	0	105	
38.		Quan hệ chính trị quốc tế	3	3	45	0	0	105	
39.		Lý luận và lịch sử tôn giáo	3	3	45	0	0	105	
40.		Thế chế chính trị thế giới đương đại	3	3	45	0	0	105	
41.		Quyền lực chính trị	3	3	45	0	0	105	
42.		Xây dựng Đảng	3	3	45	0	0	105	
2. Các học phần học tự chọn			2						
43.		Khoa học quản lý	2	1	15	1	30	55	
44.		Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế	2	2	30	0	0	70	
Tổng cộng			20	18	270	0	0	630	
				<i>Chưa kể tự chọn</i>					

• HỌC KỲ VI									
1. Các học phần bắt buộc			19	18	270	1	30	650	
45.		Các xu hướng chính trị đương đại	3	3	45	0	0	105	
46.		Quyết sách chính trị	3	3	45	0	0	105	
47.		Đảng chính trị	2	2	30	0	0	70	
48.		Chính trị học phát triển	3	3	45	0	0	105	
49.		Phương pháp tiếp cận và xử lý tình huống chính trị	3	3	45	0	0	105	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết		Thực hành		Giờ tự học và giờ học khác	Ghi chú
				Tín chỉ	Số giờ	Tín chỉ	Số giờ		
50.		Phân tích một số tác phẩm kinh điển	3	3	45	0	0	105	
51.		Chính sách công	2	1	15	1	30	55	
2. Các học phần học tự chọn			2						
52.		Niên luận chính trị học	2	0	0	2	120		03 tuần
53.		Chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta hiện nay	2	2	30	0	0	70	
Tổng cộng			21	18	270	1	30	650	
				Chưa kể tự chọn					

● HỌC KỲ VII									
54.		Thực tập cuối khóa	3	0	0	3	240		06 tuần
55.	TH1	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	0	7	420		10 tuần
	TH2	Hoặc học học phần thay thế:	7	6	90	1	60	210	
		- Tiểu luận tốt nghiệp	1	0	0	1	60		1,5 tuần
		- Chuyên đề lịch sử tư tưởng Việt Nam	2	2	30	0	0	70	
		- Lược sử vùng đất Nam Bộ	2	2	30	0	0	70	
		- Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	2	2	30	0	0	70	
Tổng cộng (trường hợp 1)			10	0	0	10	660		
Tổng cộng (trường hợp 2)			10	6	90	1	60	210	

Trà Vinh, ngày 15 tháng 08 năm 2021

TRƯỞNG KHOA
LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

BỘ MÔN TTHCM&LSĐCSVN
TRƯỞNG BỘ MÔN



Lê Thúy Hằng

Trần Mộng Đăng